

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA ÂM NHẠC, SÂN KHẤU & ĐIỆN ẢNH

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Âm nhạc đại cương			
Mã học phần:	71DIRF10511	Số tín chỉ:	02	
Mã nhóm lớp học phần:	241_71DIRF10511_01			
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:		60	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☐ Có		☒ Không	

Cách thức nộp bài phần tự luận: SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi.

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
 - + Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_Dc 1
 - + Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_Dc 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng File Hot Potatoes. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO3	Xác định: tiết tấu - tiết nhịp, quãng, điệu thức trưởng - thứ, xác định giọng - dịch giọng và các ký hiệu thường dùng trong âm nhạc.	Trắc nghiệm/ Tự luận	60%	1 – 15 (TN) 1 (TL)	8,75d	PI 4.5
CLO4	Nhận biết: nhạc cụ dân tộc Việt Nam và nước ngoài; các giai đoạn, trường phái, phong cách âm nhạc và một số tác giả tiêu biểu.	Trắc nghiệm/ Tự luận	40%	16, 17, 18, 19, 20 (TN) 2 (TL)	1,25d	PI 4.1

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (20 câu hỏi – 0,25 điểm/câu)

Câu 1: Vị trí nốt nhạc ở khe thứ hai trong khuôn nhạc có khoá Sol là nốt?

- A. La
- B. Sol

C. Fa

D. Si

ANSWER: A

Câu 2: Vị trí nốt nhạc ở dòng kẻ phụ thứ nhất dưới khuông nhạc có khoá Sol là nốt?

A. Đô

B. Rê

C. Si

D. Mi

ANSWER: A

Câu 3: Khoá Sol được vẽ bắt đầu từ dòng kẻ thứ?

A. Dòng kẻ thứ 2

B. Dòng kẻ thứ 1

C. Dòng kẻ thứ 3

D. Dòng kẻ thứ 4

ANSWER: A

Câu 4: Độ dài 1 nốt tròn bằng?

A. 4 nốt đen

B. 4 nốt trắng

C. 6 nốt móc đơn

D. 8 nốt móc kép

ANSWER: A

Câu 5: Nhịp 4/4 có:

A. 4 phách, mỗi phách bằng một nốt đen

B. 4 phách, mỗi phách bằng một nốt trắng

C. 4 phách, mỗi phách bằng một nốt tròn

D. 4 phách, mỗi phách bằng một nốt móc đơn

ANSWER: A

Câu 6: Nhóm âm hình tiết tấu nào sau đây có tổng giá trị bằng 2 nốt đen?

A. 3 nốt móc đơn và 2 nốt móc kép

B. 3 nốt móc đơn và 3 nốt móc kép

C. 6 nốt móc kép

D. 8 nốt móc ba

ANSWER: A

Câu 7: Nhịp có 4 phách, mỗi phách bằng một nốt đen là nhịp?

A. Nhịp 4/4

B. Nhịp 2/4

C. Nhịp 3/4

D. Nhịp 4/2

ANSWER: A

Câu 8: Chữ cái nào sau đây là ký hiệu viết tắt của bậc cơ bản Rê?

A. D

B. E

C. C

D. G

ANSWER: A

Câu 9: Ký hiệu viết tắt của hợp âm Đô thứ là:

A. Cm

B. CM

C. Bm

D. DM

ANSWER: A

Câu 10: Quãng 1 đúng bằng mấy cung?

A. 0 cung

B. 1 cung

C. $\frac{1}{2}$ cung

D. $1 \frac{1}{2}$ cung

ANSWER: A

Câu 11: Có bao nhiêu loại dấu hóa?

A. 5

B. 4

C. 3

D. 2

ANSWER: A

Câu 12: Dấu # có tác dụng?

A. Nâng cao độ nốt nhạc lên nửa cung

B. Nâng cao độ nốt nhạc lên một cung

- C. Nâng cao độ nốt nhạc lên hai cung
- D. Dưa nốt nhạc trở lại bình thường

ANSWER: A

Câu 13: Dấu hóa bất thường xuất hiện ở?

- A. Thỉnh thoảng xuất hiện ngay trước nốt nhạc
- B. Thỉnh thoảng xuất hiện ngay sau nốt nhạc
- C. Đầu mỗi khuông nhạc, sau các khóa nhạc
- D. Đầu mỗi khuông nhạc, trước các khóa nhạc

ANSWER: A

Câu 14: Một bài hát ở giọng La thứ, khi dịch giọng cao lên quãng 4 đúng thì bài hát đó sẽ ở giọng gì?

- A. Rê thứ
- B. Rê trưởng
- C. Mi thứ
- D. Mi trưởng

ANSWER: A

Câu 15: Giọng Đô trưởng có bao nhiêu dấu hoá:

- A. không dấu hoá
- B. 1 dấu thăng
- C. 1 dấu giáng
- D. 2 dấu giáng

ANSWER: A

Câu 16: Âm nhạc thời kỳ Baroque còn được gọi là?

- A. Âm nhạc thời kỳ Tiền Cổ điển
- B. Âm nhạc thời kỳ Phục hưng
- C. Âm nhạc thời kỳ Cổ điển
- D. Âm nhạc thời kỳ Trung cổ

ANSWER: A

Câu 17: Nhà soạn nhạc Ludwig Van Beethoven thuộc trường phái âm nhạc nào?

- A. Cổ điển – lãng mạn
- B. Tiền cổ điển – cổ điển
- C. Lãng mạn
- D. Ấn tượng

ANSWER: A

Câu 18: Nhạc khí trong Dàn nhạc giao hưởng được chia thành các bộ nào?

- A. Bộ dây, bộ hơi, bộ gõ
 B. Bộ dây, bộ gõ, bộ đồng
 C. Bộ gõ, bộ hơi, bộ đồng
 D. Đáp án B, C đều đúng

ANSWER: A

Câu 19: Đàn bầu còn được gọi là?

- A. Độc huyền cầm
 B. Dao cầm
 C. Tây ban cầm
 D. Cổ cầm

ANSWER: A

Câu 20: Nguồn gốc của âm nhạc Việt Nam bắt nguồn từ đâu?

- A. Âm nhạc dân gian
 B. Âm nhạc truyền thống
 C. Âm nhạc cung đình
 D. Âm nhạc cổ truyền

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (20 câu hỏi - 2,5 điểm/câu)

Câu hỏi 1: (2,5 điểm) Trình bày ý nghĩa của số chỉ nhịp? Cho ví dụ minh họa và diễn giải?

Câu hỏi 2: (2,5 điểm) Liệt kê các giai đoạn của lịch sử âm nhạc thế giới theo thứ tự (bắt đầu từ Âm nhạc thời kỳ nguyên thủy đến nay)?

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		5.0	
Câu 1 – 20	Đáp án A	0.25/câu	
II. Tự luận		5.0	
Câu hỏi 1: Trình bày ý nghĩa của số chỉ nhịp? Cho	Số chỉ nhịp được ghi 1 lần (0,25 điểm) ở đầu bài nhạc (0,25 điểm) (đặt sau khoá nhạc và hoá biểu) (0,25	2.5	

ví dụ minh họa và diễn giải?	điểm), gồm 2 chữ số được ghi giống như dạng phân số (0,25 điểm) (không có vạch ngăn cách giữa 2 chữ số) (0,25 điểm). Chữ số trên cho biết số phách trong mỗi ô nhịp (0,25 điểm) và chữ số dưới cho biết độ dài mỗi phách của loại nhịp đó (0,25 điểm). Ví dụ: Nhịp 2/4 là loại nhịp có 2 phách trong mỗi ô nhịp (0,25 điểm), phách 1 mạnh, phách 2 nhẹ (0,25 điểm), độ dài của mỗi phách bằng một hình nốt đen (0,25 điểm).		
Câu hỏi 2: Liệt kê các giai đoạn của lịch sử âm nhạc thế giới theo thứ tự (bắt đầu từ Âm nhạc thời kỳ nguyên thủy đến nay)?	Các giai đoạn của lịch sử âm nhạc thế giới theo thứ tự thời gian: (0,25 điểm) - Âm nhạc thời kỳ nguyên thủy (0,25 điểm) - Âm nhạc thời kỳ cổ đại (0,25 điểm) - Âm nhạc thời kỳ trung cổ (0,25 điểm) - Âm nhạc thời kỳ phục hưng (0,25 điểm) - Âm nhạc thời kỳ Baroque (tiền cổ điển) (0,25 điểm) - Âm nhạc thời kỳ cổ điển (0,25 điểm)	2.5	

	- Âm nhạc thời kỳ lãng mạn (0,25 điểm) - Âm nhạc thời kỳ thế kỷ 20 (0,25 điểm) - Âm nhạc đương đại (dầu TK XXI) (0,25 điểm)		
	Điểm tổng	10.0	

Người duyệt đề



PGS.TS. NGUYỄN Phan Thị Bích Hà

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

Giảng viên ra đề



ThS. Đào Trần Ngọc Hân